

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HN
TỈNH B Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2021/HNGĐ-
ST Ngày: 05 - 02 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH B Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Kim Hồng

Ông Phan Á

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phuong, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh B Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa: Ông Cao Đức Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh B Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2018/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1979 (CM)

Bị đơn: Anh Lữ Đình T, sinh năm 1975 (VM)

Cùng địa chỉ: Khu phố NS, phường HTT, thị xã HN, tỉnh B Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Lữ Đình T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HTT, huyện HN, tỉnh B Đ vào ngày 25 tháng 12 năm 1997. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân là do anh T sống không có trách nhiệm với vợ con, chơi bài bạc nhiều lần, chị có khuyên can nhưng anh T không chịu từ bỏ. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lữ Đình T, sinh năm 1998 và Lữ Đình Th, sinh năm 2002. Hiện nay, các con đã lớn nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong quá trình làm việc, anh T khai rằng vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã HTT như chị S trình bày là đúng. Sau khi cưới, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh T không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, nếu chị S kiên quyết ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S.

Vợ chồng có 02 con chung như chị S trình bày, nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Lữ Đình Thh. Riêng cháu Lữ Đình T đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu. Ngoài ra, vợ chồng có tài sản chung hiện chị S đang quản lý gồm: 70.000.000 đồng tiền sang rạp đám cưới và 50.000.000 đồng tiền rút bảo hiểm, anh T yêu cầu chia hai số tài sản nói trên. Sau khi viết bản khai, anh T được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung nhưng anh T không nộp biên lai thu tạm ứng án phí, do vậy căn cứ điểm d, khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án trả lại yêu cầu về việc chia tài sản chung của anh T. Đồng thời, từ đó đến nay anh T cố tình trốn tránh, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70; 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị S. Con chung đã lớn, không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị S có đơn khởi kiện ly hôn với anh Lữ Đình T có nơi thường trú tại khu phố NS, phường HTT, thị xã HN, tỉnh BD. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BD.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: Bị đơn anh Lữ Đình T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình trốn tránh, không có mặt tại Tòa. Căn

cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị S và anh T tuân thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần động viên cho chị S, anh T nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Hiện vợ chồng vẫn đang sống ly thân từ đó cho đến nay cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị S yêu cầu ly hôn, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị.

[4] Về nuôi con chung: Hiện các cháu Lữ Đình T, Lữ Đình Th đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét. Đối với yêu cầu về tài sản chung của anh T, Hội đồng xét xử căn cứ điểm d, khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án trả lại yêu cầu về việc chia tài sản chung của anh T.

[6] Về án phí: Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm d, khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị S, chị S được ly hôn anh Lữ Đình T.

- Về nuôi con chung: Hiện các cháu Lữ Đình T và Lữ Đình Thh đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Không xem xét yêu cầu về tài sản chung của anh T(vì anh T không nộp tạm ứng án phí theo quy định).

- Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai thu số 0008028 ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN.

- Về quyền kháng cáo: Chị S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày được niêm yết tại địa phương nơi anh T cư trú để Tòa án nhân dân tỉnh BD xét xử phúc thẩm.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Hoài Nhơn;
- CC THA dân sự TX. Hoài Nhơn;
- Các đương sự;
- UBND P.HTT;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Vương